

Số: /TTr-UBND

Thái Nguyên, ngày tháng năm 2026

## TỜ TRÌNH

**Dự thảo Nghị quyết quy định mức học phí đối với cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông công lập và mức hỗ trợ học phí đối với trẻ em mầm non, học sinh phổ thông, người học chương trình giáo dục phổ thông trong cơ sở giáo dục dân lập, tư thục trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên từ năm học 2026 - 2027**

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Ủy ban nhân dân tỉnh kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh dự thảo Nghị quyết quy định mức học phí đối với cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông công lập và mức hỗ trợ học phí đối với trẻ em mầm non, học sinh phổ thông, người học chương trình giáo dục phổ thông trong cơ sở giáo dục dân lập, tư thục trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên từ năm học 2026 - 2027, cụ thể như sau:

### I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH NGHỊ QUYẾT

#### 1. Cơ sở chính trị, pháp lý

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 đã được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Luật Giá số 16/2023/QH15 đã được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 140/2025/QH15;

Căn cứ Luật Giáo dục số 43/2019/QH14 đã được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 123/2025/QH15;

Căn cứ Nghị quyết số 217/2025/QH15 ngày 26 tháng 6 năm 2025 của Quốc hội về miễn, hỗ trợ học phí đối với trẻ mầm non, học sinh phổ thông, người học chương trình giáo dục phổ thông trong cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân;

Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 187/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm

2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và Nghị định số 79/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ về kiểm tra, rà soát, hệ thống hoá và xử lý văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Thông tư số 26/2025/TT-BTP ngày 12 tháng 12 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 66/2026/NĐ-CP ngày 02 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Giáo dục;

Căn cứ Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Nghị định số 111/2025/NĐ-CP ngày 22 tháng 5 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Nghị định số 238/2025/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2025 của Chính phủ quy định về chính sách học phí, miễn, giảm, hỗ trợ học phí, hỗ trợ chi phí học tập và giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo;

Tại khoản 2 Điều 2 Nghị quyết số 217/2025/QH15 ngày 26 tháng 6 năm 2025 của Quốc hội quy định: *“Hỗ trợ học phí đối với trẻ em mầm non, học sinh phổ thông, người học chương trình giáo dục phổ thông trong cơ sở giáo dục dân lập, tư thục. Mức hỗ trợ học phí do Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương quyết định theo khung học phí do Chính phủ quy định nhưng không vượt mức thu học phí của cơ sở giáo dục dân lập, tư thục”*.

Tại điểm b khoản 6 Điều 99 Luật Giáo dục năm 2019 có quy định: *“Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định khung học phí hoặc mức học phí cụ thể, các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục của nhà trường đối với cơ sở giáo dục công lập theo thẩm quyền quản lý nhà nước về giáo dục trên cơ sở đề nghị của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh”*.

Tại **điểm** b khoản 3 Điều 4 Nghị định số 238/2025/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2025 của Chính phủ quy định về chính sách học phí, miễn, giảm, hỗ trợ học phí, hỗ trợ chi phí học tập và giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo (được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 4 Điều 13 Nghị định số 66/2026/NĐ-CP ngày 02 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Giáo dục) quy định: *“Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định mức học phí cụ thể làm căn cứ thực hiện miễn học phí đối với trẻ em mầm non, học sinh phổ thông, người học chương trình giáo dục phổ thông trong cơ sở giáo dục công lập; quyết định mức hỗ trợ học phí đối với trẻ em mầm non, học sinh phổ thông, người học chương trình giáo dục phổ thông trong cơ sở giáo dục dân*

*lập, tư thực theo thẩm quyền quản lý để áp dụng tại địa phương”.*

Tại khoản 7 Điều 8 Nghị định số 238/2025/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2025 của Chính phủ quy định về chính sách học phí, miễn, giảm, hỗ trợ học phí, hỗ trợ chi phí học tập và giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo (sau đây viết tắt là Nghị định số 238/2025/NĐ-CP) quy định: “... Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định mức học phí đối với cơ sở giáo dục công lập và mức hỗ trợ học phí đối với trẻ em, học sinh dân lập, tư thực nhưng không vượt quá mức thu học phí của cơ sở giáo dục dân lập, tư thực”.

Tại khoản 8, Điều 8 của Nghị định số 238/2025/NĐ-CP quy định: “Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương quyết định việc sắp xếp, phân loại các vùng trên địa bàn để quyết định mức học phí, hỗ trợ học phí đối với trẻ em mầm non, học sinh phổ thông, người học chương trình giáo dục phổ thông trong cơ sở giáo dục trên địa bàn quản lý”.

Tại điểm b khoản 2 Điều 8 Nghị định số 238/2025/NĐ-CP quy định: “Từ năm học 2026 - 2027 đến năm học 2035 - 2036, mức trần học phí được điều chỉnh theo tỷ lệ phù hợp với điều kiện kinh tế xã hội của địa phương, tốc độ tăng chỉ số giá tiêu dùng, tốc độ tăng trưởng kinh tế hàng năm nhưng không quá 7,5%/năm.”

## **2. Cơ sở thực tiễn**

Năm học 2025 - 2026, sau khi sắp xếp đơn vị hành chính, Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên đã ban hành Nghị quyết số 21/2025/NQ-HĐND quy định mức học phí đối với cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông công lập và mức hỗ trợ học phí đối với trẻ em mầm non, học sinh phổ thông, người học chương trình giáo dục phổ thông trong cơ sở giáo dục dân lập, tư thực trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên. Nghị quyết đã áp dụng thống nhất trên địa bàn toàn tỉnh Thái Nguyên sau sáp nhập. Qua triển khai Nghị quyết số 21/2025/NQ-HĐND trong năm học 2025 - 2026, chính sách miễn, hỗ trợ học phí đã góp phần giảm gánh nặng chi phí học tập cho người học, bảo đảm nguồn lực hoạt động thường xuyên cho các cơ sở giáo dục và tạo sự thống nhất trong tổ chức thực hiện trên địa bàn tỉnh sau sắp xếp đơn vị hành chính. Tuy nhiên, Nghị quyết số 21/2025/NQ-HĐND chỉ có hiệu lực đến hết ngày 31 tháng 8 năm 2026. Do đó, từ năm học 2026 – 2027, việc ban hành Nghị quyết mới là cần thiết nhằm tiếp tục duy trì chính sách miễn, hỗ trợ học phí; xác định căn cứ cấp bù ngân sách cho cơ sở giáo dục công lập; hỗ trợ học phí cho người học tại cơ sở dân lập, tư thực; đồng thời bảo đảm phù hợp với khung học phí, điều kiện phát triển kinh tế - xã hội và khả năng cân đối ngân sách của địa phương.

## **II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG NGHỊ QUYẾT**

### **1. Mục đích ban hành Nghị quyết**

Nghị quyết được ban hành nhằm quy định mức học phí đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập và mức hỗ trợ học phí đối với trẻ em mầm

non, học sinh phổ thông, người học chương trình giáo dục phổ thông trong cơ sở giáo dục dân lập, tư thục trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên từ năm học 2026 - 2027. Đây là căn cứ để xác định mức ngân sách nhà nước cấp bù cho cơ sở giáo dục công lập khi thực hiện chính sách miễn học phí và mức hỗ trợ học phí đối với người học tại cơ sở giáo dục dân lập, tư thục, bảo đảm phù hợp với quy định của pháp luật và điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

## **2. Quan điểm xây dựng dự thảo Nghị quyết**

Dự thảo Nghị quyết quy định mức học phí đối với cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông công lập và mức hỗ trợ học phí đối với trẻ em mầm non, học sinh phổ thông, người học chương trình giáo dục phổ thông trong cơ sở giáo dục dân lập, tư thục trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên từ năm học 2026 - 2027 được xây dựng phải bảo đảm đúng thẩm quyền, phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành và điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Thái Nguyên.

Tuân thủ đúng thẩm quyền quyết định và trình tự, thủ tục ban hành văn bản quy phạm pháp luật; bảo đảm tính hợp hiến, hợp pháp và tính thống nhất trong hệ thống văn bản pháp luật; bảo đảm công bằng, công khai, minh bạch; bảo đảm dân chủ trong việc tiếp nhận, phản hồi ý kiến, kiến nghị của cá nhân, cơ quan, tổ chức trong quá trình xây dựng, ban hành văn bản, tạo điều kiện thuận lợi cho việc thi hành và áp dụng trong thực tế.

## **III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT**

1. Ngày 23 tháng 5 năm 2026, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Công văn số 5731/UBND-KGVX về việc đăng ký xây dựng các Nghị quyết quy phạm pháp luật của HĐND tỉnh thuộc lĩnh vực giáo dục và đào tạo.

2. Ngày 26 tháng 5 năm 2026, Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên ban hành Công văn số 300/HĐND-VP về việc chấp thuận đề nghị đăng ký xây dựng Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh thuộc lĩnh vực giáo dục và đào tạo.

3. Ngày 27 tháng 5 năm 2026, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Công văn số 5992/UBND-KGVX về việc xây dựng các Nghị quyết quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân tỉnh thuộc lĩnh vực giáo dục và đào tạo.

4. Ngày      tháng      năm 2026, Sở Giáo dục và Đào tạo đã có Công văn số /SGDDĐT-KHTC đề nghị các sở, ban, ngành, đơn vị, địa phương góp ý dự thảo Tờ trình của Ủy ban nhân dân tỉnh và dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh; đồng thời đề nghị Trung tâm Thông tin tỉnh Thái Nguyên đăng tải dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh theo quy định.

5. Ngày      tháng      năm 2026, Sở Giáo dục và Đào tạo đã tổng hợp, nghiên cứu, tiếp thu, giải trình các ý kiến góp ý và hoàn thiện hồ sơ dự thảo Nghị quyết.

6. Ngày      tháng      năm 2026, Sở Giáo dục và Đào tạo đã gửi hồ sơ kèm Công văn số      /SGDDĐT-KHTC đề nghị Sở Tư pháp thẩm định dự thảo Nghị quyết theo

quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và nhận được Báo cáo số /BC-STP ngày tháng năm 2026 của Sở Tư pháp về việc thẩm định dự thảo văn bản quy phạm pháp luật.

7. Ngày tháng năm 2026, Sở Giáo dục và Đào tạo nghiên cứu tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp, chỉnh lý, hoàn thiện hồ sơ dự thảo Nghị quyết và trình Ủy ban nhân dân tỉnh.

Quá trình xây dựng dự thảo Nghị quyết được thực hiện theo đúng quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và các văn bản hướng dẫn Luật.

## **IV. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT**

### **1. Phạm vi điều chỉnh**

Nghị quyết này quy định mức học phí đối với cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông công lập và mức hỗ trợ học phí đối với trẻ em mầm non, học sinh phổ thông, người học chương trình giáo dục phổ thông trong cơ sở giáo dục dân lập, tư thục trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên từ năm học 2026 - 2027.

### **2. Đối tượng áp dụng**

a) Trẻ em mầm non, học sinh phổ thông đang theo học tại các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục khác trên địa bàn tỉnh;

b) Học viên theo học chương trình giáo dục thường xuyên cấp trung học cơ sở và học viên theo học chương trình giáo dục thường xuyên cấp trung học phổ thông trong các cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh;

c) Các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục khác và các tổ chức, cá nhân có liên quan trên địa bàn tỉnh.

### **3. Bố cục của dự thảo văn bản:** Dự thảo Nghị quyết gồm 06 Điều sau:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

Điều 2. Mức học phí

Điều 3. Hỗ trợ học phí đối với trẻ em mầm non, học sinh phổ thông, người học chương trình giáo dục phổ thông trong cơ sở giáo dục dân lập, tư thục

Điều 4. Nguồn kinh phí thực hiện

Điều 5. Tổ chức thực hiện

Điều 6. Điều khoản thi hành

### **4. Nội dung cơ bản của Nghị quyết**

#### **- Về nội dung**

Quy định tại Điều 2, Điều 3 dự thảo Nghị quyết như sau:

#### **“Điều 2. Mức học phí**

1. Mức học phí đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập chưa tự bảo đảm chi thường xuyên trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên từ năm học 2026 - 2027, cụ thể như sau:

*Đơn vị tính: nghìn đồng/người học/tháng*

STT	Cấp học	Mức học phí đối với cơ sở giáo dục trên địa bàn các phường	Mức học phí đối với cơ sở giáo dục trên địa bàn các xã khu vực I và các xã không thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	Mức học phí đối với cơ sở giáo dục trên địa bàn các xã khu vực II, III
1	Mầm non	240	180	120
2	Tiểu học	240	180	120
3	Trung học cơ sở	280	210	140
4	Trung học phổ thông	300	230	150

2. Trường hợp học trực tuyến (online) mức học phí bằng với mức quy định tại khoản 1 Điều này.

3. Mức học phí đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập tự bảo đảm chi thường xuyên bằng 2 lần mức học phí quy định tại khoản 1 Điều này.

4. Mức học phí đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư bằng 2,5 lần mức học phí quy định tại khoản 1 Điều này.

5. Mức học phí đối với chương trình giáo dục thường xuyên cấp trung học cơ sở và cấp trung học phổ thông trong cơ sở giáo dục công lập được áp dụng bằng mức học phí tương đương với cơ sở giáo dục phổ thông công lập cùng cấp tương ứng quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3, khoản 4 Điều này.

6. Mức học phí quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3, khoản 4, khoản 5 Điều này là cơ sở để cấp bù học phí cho cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh.

**Điều 3. Hỗ trợ học phí đối với trẻ em mầm non, học sinh phổ thông, người học chương trình giáo dục phổ thông trong cơ sở giáo dục dân lập, tư thục**

1. Trẻ em mầm non, học sinh phổ thông, người học chương trình giáo dục phổ thông trong cơ sở giáo dục dân lập, tư thục được hỗ trợ học phí bằng mức

học phí của cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh tương ứng quy định tại khoản 1 Điều 2 Nghị quyết này (nhưng không vượt mức thu học phí của cơ sở giáo dục dân lập, tư thục).

2. Thời gian hỗ trợ: Theo thời gian học thực tế và không quá 9 tháng/năm học”.

#### **- Tổ chức thực hiện**

Quy định tại Điều 5 dự thảo Nghị quyết như sau:

#### **“Điều 5. Tổ chức thực hiện**

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết theo đúng quy định của pháp luật.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.”.

#### **- Về hiệu lực của Nghị quyết**

Quy định tại Điều 6 dự thảo Nghị quyết như sau:

#### **“Điều 6. Điều khoản thi hành**

1. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 9 năm 2026.

2. Nghị quyết số 21/2025/NQ-HĐND ngày 28 tháng 10 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên quy định mức học phí đối với cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông công lập và mức hỗ trợ học phí đối với trẻ em mầm non, học sinh phổ thông, người học chương trình giáo dục phổ thông trong cơ sở giáo dục dân lập, tư thục trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên năm học 2025 - 2026 hết hiệu lực kể từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành.”

### **V. DỰ KIẾN NGUỒN LỰC, ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM CHO VIỆC THI HÀNH VĂN BẢN VÀ THỜI GIAN DỰ KIẾN TRÌNH THÔNG QUA**

**1. Dự kiến nguồn lực, điều kiện bảo đảm cho việc thi hành Nghị quyết sau khi được thông qua**

#### ***1.1. Cơ quan chịu trách nhiệm tổ chức thi hành Nghị quyết***

- Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết theo quy định của pháp luật.

- Sở Giáo dục và Đào tạo theo chức năng, nhiệm vụ có trách nhiệm quán triệt và tổ chức triển khai thực hiện các nội dung thuộc thẩm quyền quy định tại Nghị quyết.

- Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo và các cơ quan, đơn vị có liên quan hằng năm tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí kinh phí bảo đảm chế độ, chính sách cho các đối tượng quy định tại Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh.

#### ***1.2. Các điều kiện bảo đảm thi hành Nghị quyết***

### *1.2.1. Ban hành các văn bản hướng dẫn thi hành Nghị quyết*

Sau khi Nghị quyết được Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành, Hội đồng nhân dân tỉnh giao nhiệm vụ cho Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo và phân công các sở liên quan tham mưu theo thẩm quyền để ban hành các văn bản hướng dẫn triển khai Nghị quyết đầy đủ, đúng tiến độ.

### *1.2.2. Nguồn lực triển khai thực hiện Nghị quyết*

\* Nguồn kinh phí thực hiện Nghị quyết: Sử dụng nguồn ngân sách nhà nước và các nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

\* Dự toán kinh phí thực hiện 09 tháng/năm học số tiền **826,633** tỷ đồng, cụ thể:

(1) Dự toán kinh phí để hỗ trợ học phí đối với người học tại cơ sở giáo dục mầm non dân lập, tư thục, cơ sở giáo dục phổ thông dân lập, tư thục theo mức học phí như sau:

Tổng kinh phí hỗ trợ 09 tháng (một năm học): **27,682** tỷ đồng, trong đó:

- Cơ sở giáo dục trên địa bàn các xã khu vực II, III : 0,283 tỷ đồng.
- Cơ sở giáo dục trên địa bàn các xã khu vực I và các xã không thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi: 2,467 tỷ đồng.
- Cơ sở giáo dục trên địa bàn các phường: 24,932 tỷ đồng.

(2) Dự toán kinh phí cấp bù tiền miễn học phí cho các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục thường xuyên và cơ sở giáo dục khác thực hiện chương trình giáo dục phổ thông để thực hiện việc miễn học phí đối với người học thuộc các đối tượng miễn học phí.

Tổng kinh phí hỗ trợ 09 tháng (một năm học): **798,951** tỷ đồng, trong đó:

- Cơ sở giáo dục trên địa bàn các xã khu vực II, III : 108,970 tỷ đồng.
- Cơ sở giáo dục trên địa bàn các xã khu vực I và các xã không thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi: 307,832 tỷ đồng.
- Cơ sở giáo dục trên địa bàn các phường: 382,149 tỷ đồng.

*(Chi tiết tại phụ lục kèm theo).*

## **2. Thời gian dự kiến trình thông qua Nghị quyết**

Thời gian dự kiến trình Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên thông qua Nghị quyết tại Kỳ họp Hội đồng nhân dân tỉnh Khóa XIV (tháng 7 năm 2026).

Trên đây là Tờ trình về dự thảo Nghị quyết quy định mức học phí đối với cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông công lập và mức hỗ trợ học phí đối với trẻ em mầm non, học sinh phổ thông, người học chương trình giáo dục phổ thông trong cơ sở giáo dục dân lập, tư thục trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên từ năm học 2026 - 2027, Ủy ban nhân dân tỉnh xin kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem



xét, quyết định.

*(Xin gửi kèm theo: (1) Dự thảo Nghị quyết; (2) Bản thuyết minh nội dung dự thảo Nghị quyết; (3) Bản tổng hợp ý kiến tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý của các cơ quan, đơn vị, địa phương; (4) Báo cáo thẩm định của Sở Tư pháp; (5) Báo cáo của Sở Giáo dục và Đào tạo tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp; (6) Bản scan các ý kiến của các cơ quan, đơn vị, địa phương)./.*

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch và các PCT UBND tỉnh;
- Các sở: Giáo dục và Đào tạo, Tài chính, Tư pháp, Nội vụ, Khoa học và Công nghệ;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KGVX. Thắngpv.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH THƯỜNG TRỰC**

**Dương Văn Lượng**